CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP B.C.H

Ngày 30/09/2025	9,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-5.8%	-	-

DT thuần
Q3/25
1,839
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 612| 49.8%
YoY: ▲ 223| 13.8%

LN thuần
Q3/25
10.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 35.6| 141%
YoY: ▲ 19.9| 209%

LN sau thuế
Q3/25
-6.31
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.89| 12.4%
YoY: ▲ 4.89| 43.7%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
1.4%
YoY: +/-▼ 1.8%

ROE (TTM)
Q3/25
-6.8%
YoY: +/-▲ 0.6%

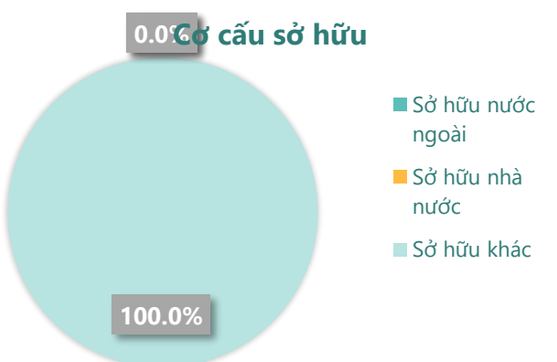
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	8,900 - 14,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	485
Số lượng CPLH (CP)	50,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	136,955
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.23
EPS	-999
P/E	-9.7

DT thuần
9T 2025
4,502
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 252| 5.9%

LN thuần
9T 2025
-8.78
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.62| 29.1%

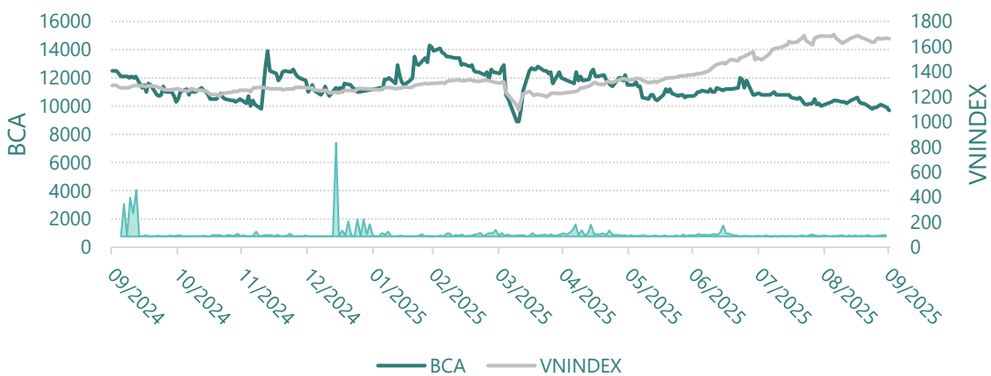
LN sau thuế
9T 2025
-12.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.60| 11.6%

Cơ cấu sở hữu

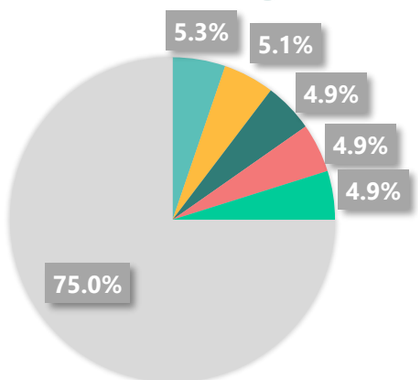


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

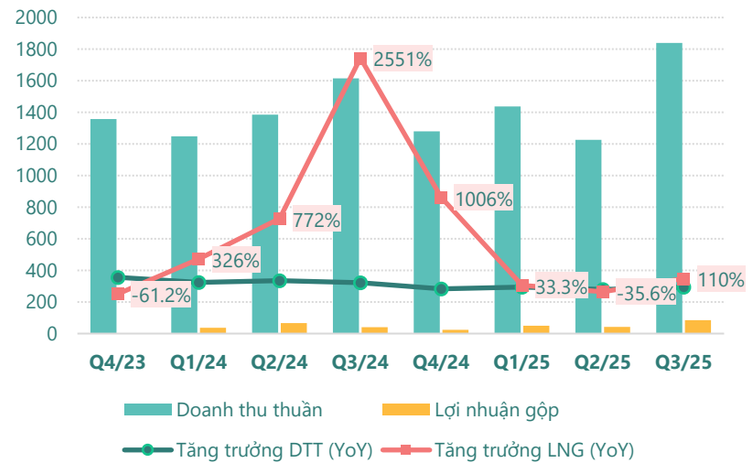


- Đặng Ngọc Hưng (Tổng giám đốc)
- Lê Thu Phương (Phó Tổng giám đốc)
- Trần Nguyên Hưng
- Nguyễn Thị Lan Hương
- Nguyễn Văn Thắng
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

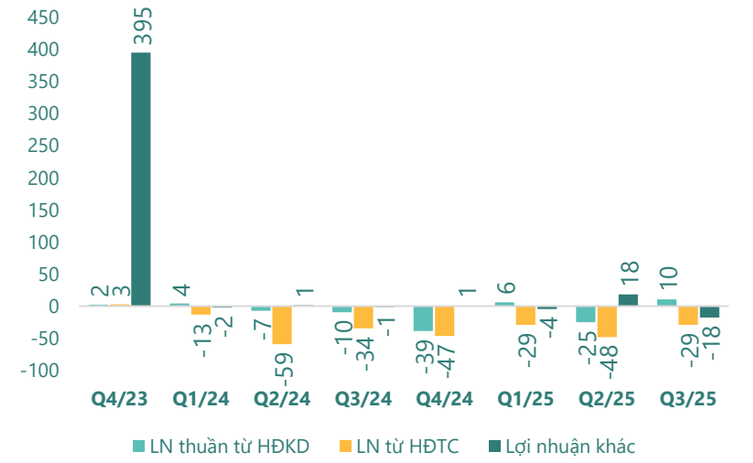
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



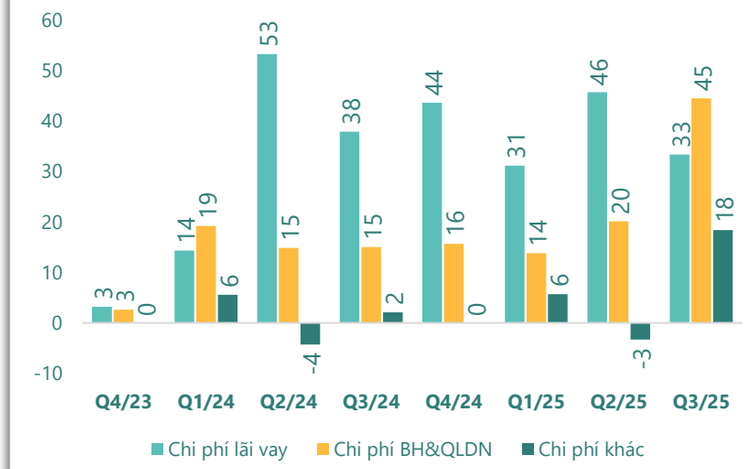
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



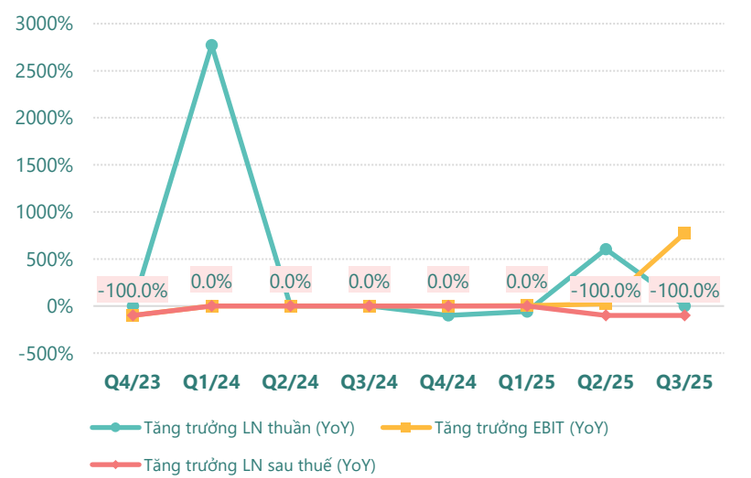
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



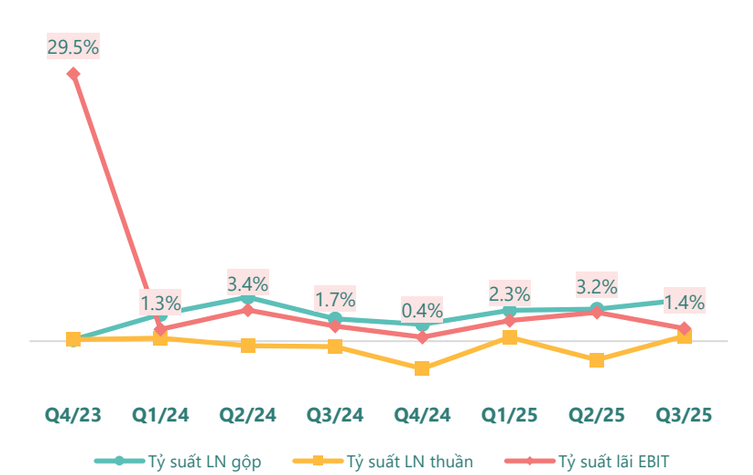
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



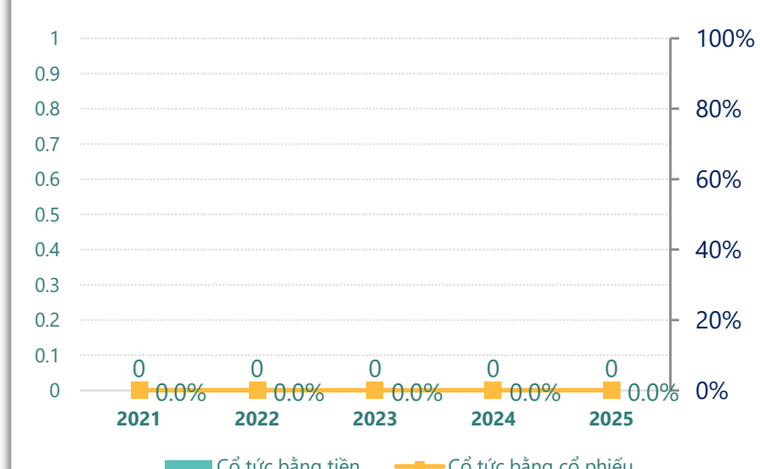
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

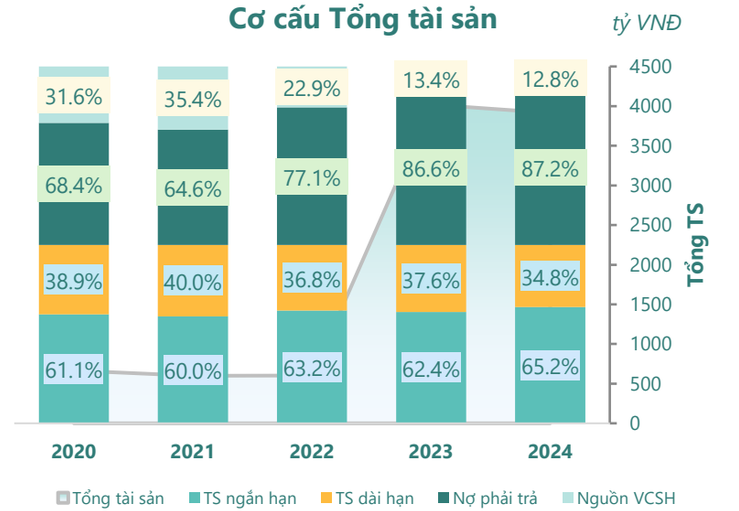
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

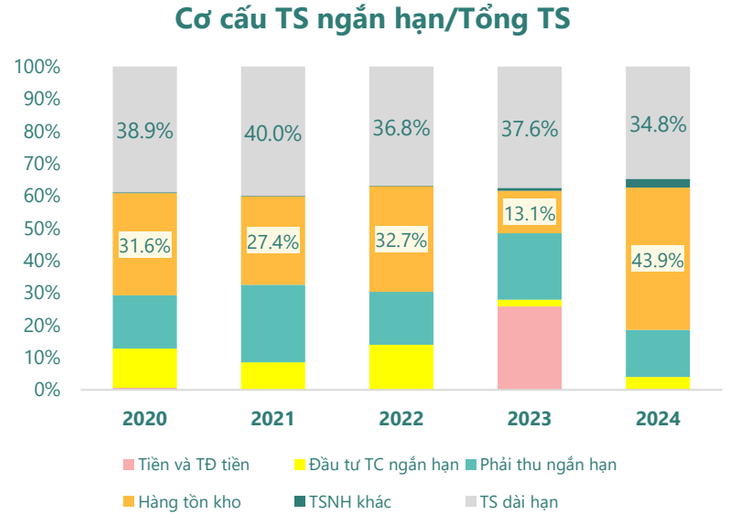
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



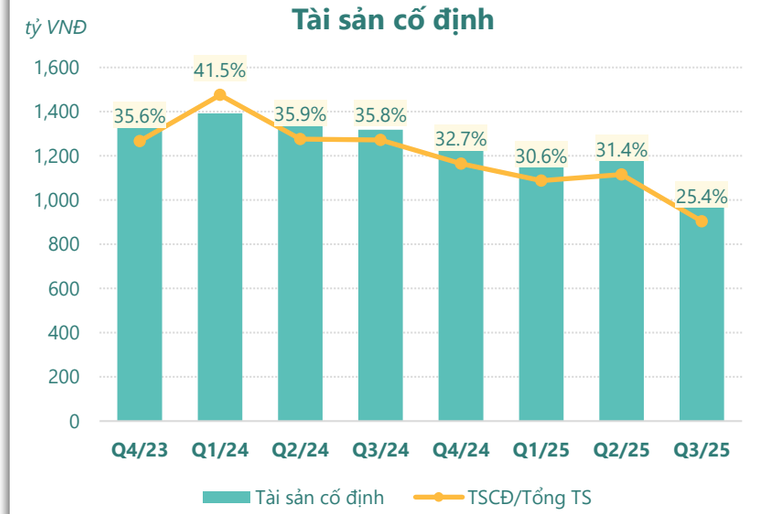
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



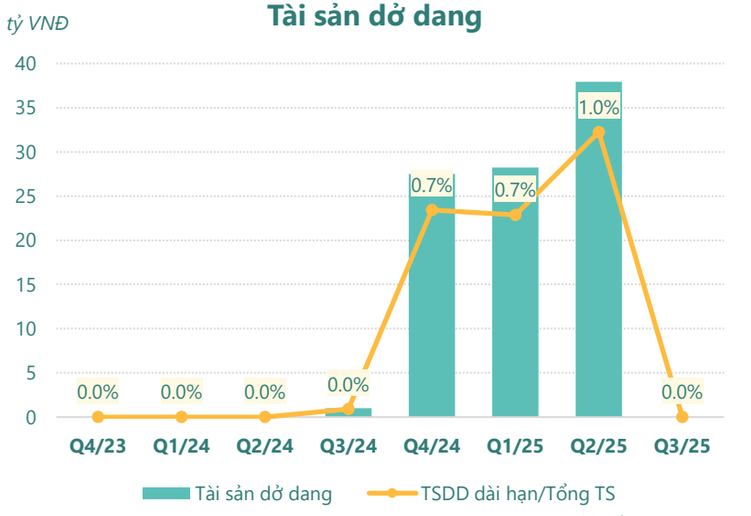
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



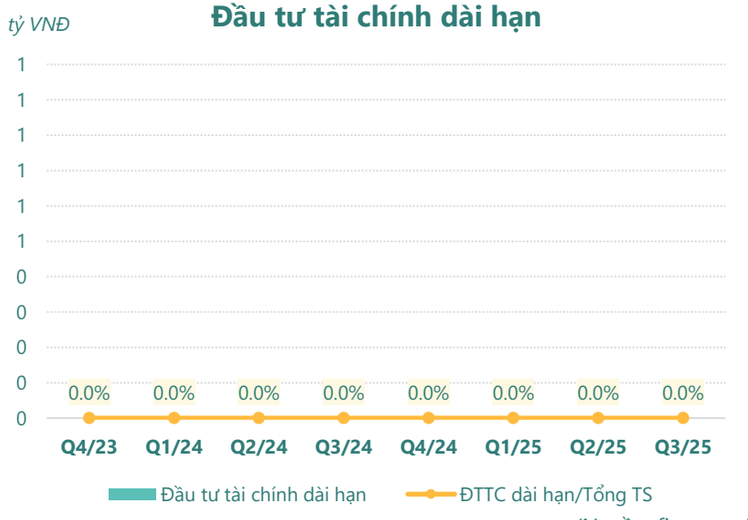
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



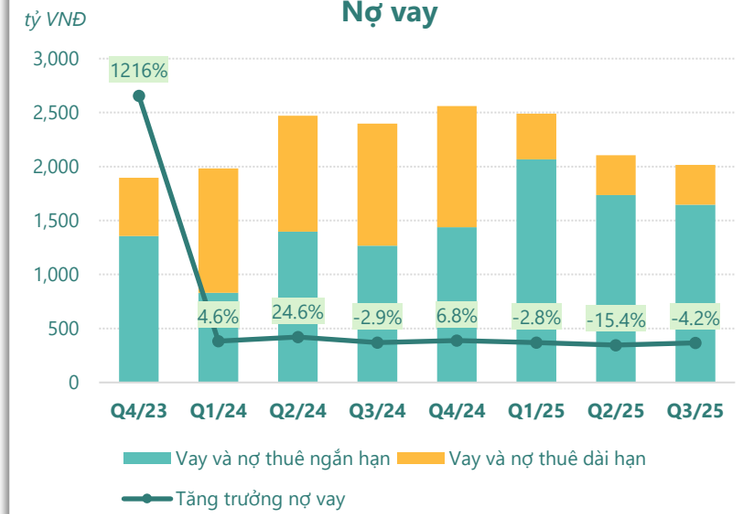
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

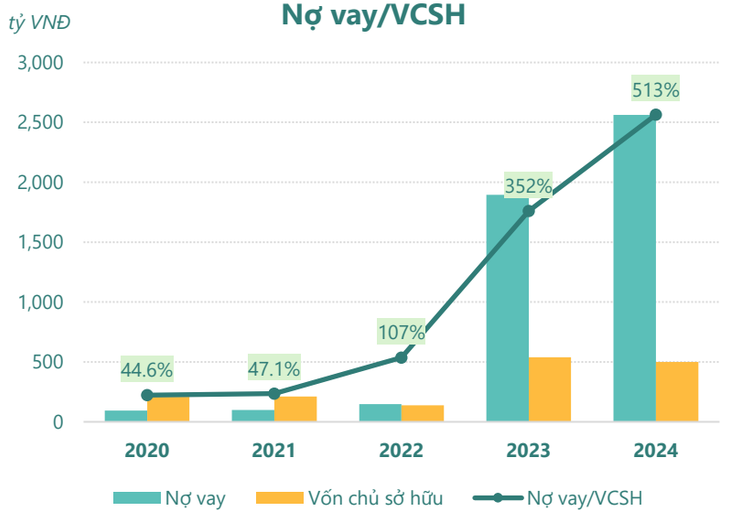
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



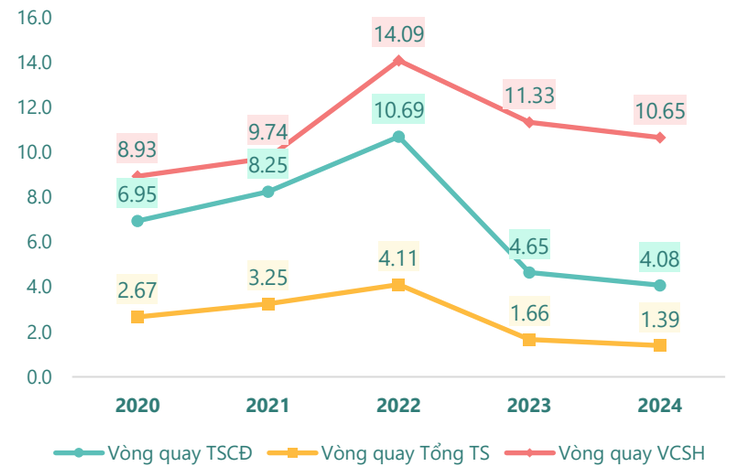
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



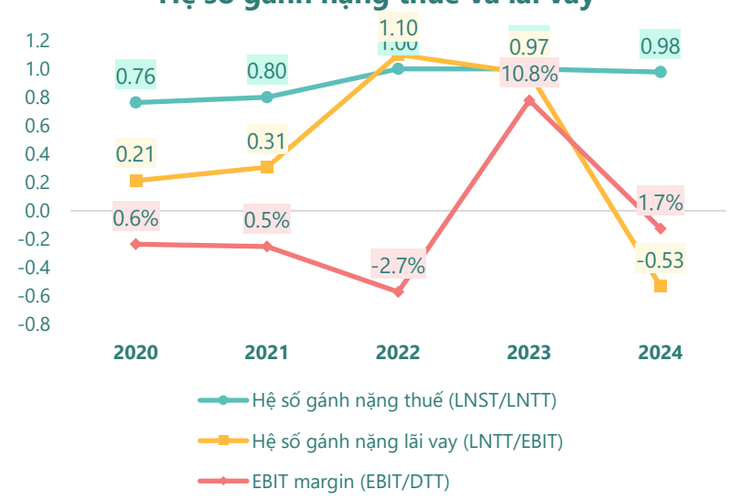
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



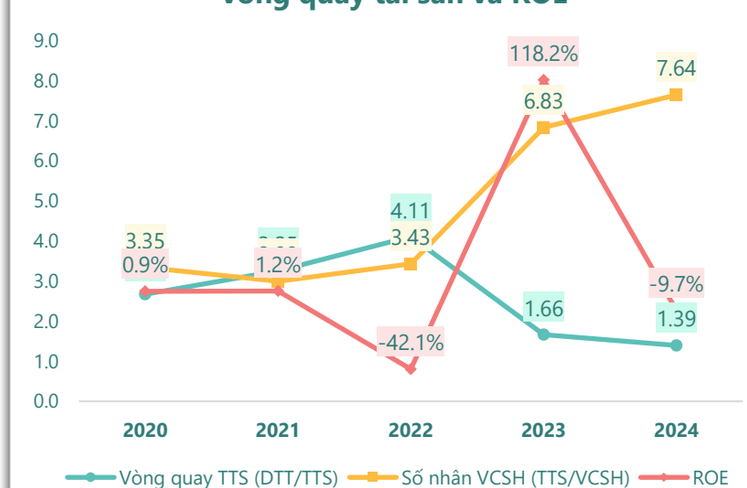
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



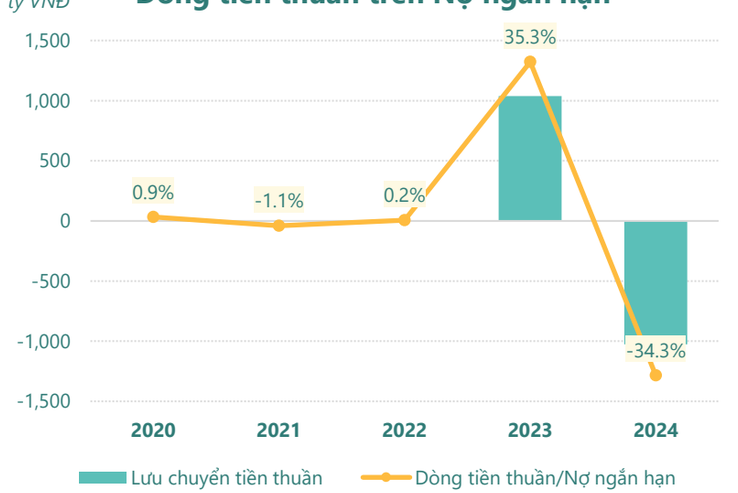
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,839**	**1,616**	**13.8%**	**4,502**	**4,250**	**5.9%**
Giá vốn hàng bán	1,754	1,576	11.3%	4,326	4,105	5.4%
Lợi nhuận gộp	84.2	40.1	110%	176	144	22.5%
Doanh thu HĐTC	2.53	2.06	23.0%	7.27	6.53	11.4%
Chi phí TC	31.8	36.5	-12.9%	114	114	0.2%
Chi phí lãi vay	33.4	38.0	-12.1%	110	106	4.5%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	4.61	1.10	319%	12.2	2.38	413%
Chi phí QLDN	**39.9**	**14.0**	**185%**	**66.3**	**46.8**	**41.6%**
LN thuần từ HĐKD	10.4	-9.50	209%	-8.78	-12.4	29.1%
Lợi nhuận khác	**-17.8**	**-1.49**	**-1095%**	**-3.91**	**-2.54**	**-53.9%**
LN trước thuế	-7.43	-11.0	32.4%	-12.7	-14.9	15.0%
Lợi nhuận sau thuế	**-6.31**	**-11.2**	**43.7%**	**-12.0**	**-13.6**	**11.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-6.31**	**-11.2**	**43.7%**	**-12.0**	**-13.6**	**11.6%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-435	-67.4	-165	74.9	67.4	104
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-58.7	103	-6.71	32.1	-149	20.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	499	-71.9	164	-72.7	65.2	-90.5
Tiền đầu kỳ	50.5	55.9	19.4	11.9	46.1	-46.1
Lưu chuyển tiền thuần	**5.28**	**-36.4**	**-8.15**	**34.2**	**-16.4**	**33.2**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.05	-0.08	0.08	0	-0.03	0.01
Tiền cuối kỳ	55.9	19.4	11.3	46.1	29.7	-12.9

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**4,161**	**3,915**	**6.3%**
Tài sản ngắn hạn	3,048	2,554	19.3%
Tiền và tương đương tiền	63.0	11.9	429%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	222	143	55.3%
Phải thu ngắn hạn	735	573	28.2%
Hàng tồn kho	1,964	1,720	14.1%
Tài sản ngắn hạn khác	64.5	105	-38.7%
Tài sản dài hạn	**1,113**	**1,362**	**-18.2%**
Phải thu dài hạn	22.5	22.5	0.0%
Tài sản cố định	1,058	1,282	-17.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	27.5	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**32.9**	**29.8**	**10.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	3,224	3,416	-5.6%
Nợ ngắn hạn	**2,855**	**2,995**	**-4.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,647	2,141	-23.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,126	779	44.6%
Nợ dài hạn	369	421	-12.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	369	421	-12.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**937**	**500**	**87.6%**
Vốn chủ sở hữu	**937**	**500**	**87.6%**
Vốn điều lệ	500	190	163%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)